

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HS - ST  
Ngày 15 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Trường

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Văn Bảng và Ông Hoàng Văn Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở TAND thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2020/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HS ngày 04/5/2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Phan Văn Q, sinh năm 1977. Tên gọi khác: Không.
- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số 09, ngõ 28, Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
- Nghề nghiệp: Không. Văn hoá: 3/12 (chỉ biết ký tên).
- Con ông: Phan Văn T, sinh năm 1955.
- Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1955.
- Gia đình có 04 anh em; Q là thứ hai;
- Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (đã ly hôn).
- Con: Có 01 con sinh năm 1998.
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Nhân thân:

+ Bản án số 46/1997/HSST ngày 25/3/1997, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội đánh bạc.

+ Ngày 19/9/2000, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-XPVPHC ngày 19/9/2000 của Công an thị xã B (thành phố B) về hành vi đánh bạc

+ Bản án số 113/2001/HSST ngày 10/9/2001, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội đánh bạc.

+ Bản án số 37/HSST ngày 20/12/2002, Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với bản án số 113/HSST ngày 10/9/2001, buộc chấp hành hình phạt chung cho cả hai là 01 năm 05 tháng tù giam.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 08/1/2003 của Công an thị xã B (thành phố B) về hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích.

+ Bản án số 280/2011/HSST ngày 30/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

- Bị can đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (có mặt tại phiên tòa)

*\* Bị hại:* Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 46, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phan Trọng H, sinh năm 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 279, đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Hà Văn X, sinh năm 1993. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 91, đường Đ, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Hà Thị S, sinh năm 1973. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 14, ngõ 91, đường Đ, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Phan Anh T, sinh năm 1984. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 28, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

6. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 106, đường H, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B,

tỉnh Bắc Giang.

7. Chị Dương Phương A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 155, đường A, phường P, quận B, thành phố Hà Nội. (Văng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn Q, sinh năm 1977 trú tại số 09, ngõ 28, Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với anh Hoàng Văn M, sinh năm 1983 trú tại số nhà 46, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 05 giờ sáng ngày 04/01/2020, Q điện thoại cho anh M hỏi mượn 01 chiếc xe nhãn hiệu PIAGIO, số loại LIBERTY, màu sơn trắng mà anh M thường sử dụng để đi ăn cưới con anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 trú tại thôn Cầu Đồng, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh M đồng ý và nói sẽ mang xe qua cho Q. Một lúc sau, anh M điều khiển chiếc xe mô tô trên đến nhà Q, xe không gắn biển kiểm soát. Khi cho mượn xe, anh M chỉ đưa cho Q chìa khóa điện, không đưa giấy tờ xe và có hẹn đến chiều cùng ngày 04/01/2020 phải trả xe cho M. Sau khi mượn được xe mô tô của anh M, Q mới nhớ ra là ngày cưới của con anh K là ngày 12/01/2020 chứ không phải ngày 04/01/2020. Q không trả lại cho anh M mà tiếp tục sử dụng chiếc xe nói trên. Quá trình sử dụng, Q nảy sinh ý định đem chiếc xe cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày 04/01/2020, Q điều khiển chiếc xe mô tô trên đi đến quán cà phê của bà Lưu Thị L, sinh năm 1971, trú tại số nhà 279, đường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để tìm người cầm cố xe. Tại đây, Q gặp anh Phan Trọng H, sinh năm 1994- là con trai của bà L đặt vấn đề cầm cố xe để lấy 10 triệu đồng nhưng Hoàng không đồng ý. Sau đó Q gặp anh Hà Văn X, sinh năm 1996 trú tại số 14, ngõ 91, đường L, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là nhân viên của quán ra nói chuyện cầm cố. Khi anh X hỏi nguồn gốc xe thì Q nói “yên tâm, không phải xe trộm cắp, có nguồn gốc rõ ràng”. Thấy vậy, anh X đồng ý nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên với giá 6.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì, thỏa thuận là 10 ngày sau thì trả tiền, chuộc xe. Vì không có sẵn tiền mặt nên Xuân gọi điện cho mẹ đẻ là bà Hà Thị S, sinh năm 1973, trú tại số nhà 14, ngõ 91, đường Đ, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang mượn được số tiền 5.500.000 đưa cho Q (anh X cắt lãi trước số tiền 500.000 đồng). Sau khi nhận tiền, Q giao xe mô tô Piaggio Liberty cho anh X rồi đi về. Số tiền cầm cố xe có được, Q khai chi tiêu cá nhân hết nên không có tiền để chuộc xe trả cho anh M. Khi bị anh M điện thoại và tìm gặp nhiều lần để đòi xe thì Q nói dối cho người khác mượn xe chưa trả.

Ngày 03/02/2020, anh Hoàng Văn M có đơn trình báo gửi công an thành phố B.

Đến ngày 06/02/2020, Phan Văn Q đến Công an thành phố B đầu thú. Trước đó Q điện thoại cho em trai Q là Phan Anh T, sinh năm 1984, trú tại số nhà 12, ngõ 28, tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nhờ Tú chuộc xe để trả cho anh M. Anh Tú cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955, trú tại số nhà 106, đường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã gặp anh X để chuộc lại chiếc xe mô tô giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Ngày 11/02/2020, Cơ quan điều tra cho anh Hà Văn X nhận dạng người qua ảnh. Kết quả, anh X nhận ra Q là người đã trao đổi, thỏa thuận việc cầm cố, vay tiền của anh ngày 04/01/2020.

Tại kết luận định giá tài sản số 199/KL-HĐĐG ngày 10/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe nhãn hiệu PIAGIO, số loại LIBERTY, biển kiểm soát 98Y5-6096, số máy M389M2004599, số khung 710000032898 màu sơn trắng, đã qua sử dụng, năm sản xuất 2010 có trị giá 8.000.000 đồng”.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe nêu trên có đăng ký chủ sở hữu là Dương Phương A ở địa chỉ số 06, đường N, phường L, TP B. Tại Cơ quan điều tra, chị Phương Anh quá trình sử dụng đã bán chiếc xe cho anh M từ năm 2016. Ngày 02/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh M (bút lục 18). Đến nay anh M không yêu cầu bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Phan Văn Q.

Đối với anh Hà Văn X có hành vi nhận cầm cố chiếc xe mô tô do Q đem đến nhưng không biết đó là do phạm tội mà có nên anh X không vi phạm pháp luật hình sự. Đến nay anh X không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số imeil 1: 355827095398053, imeil2: 355827095398050, đã qua sử dụng thu giữ khi bị can đầu thú đã nhập kho vật chứng theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Phan Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số /KSĐT ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Phan Văn Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

1, Tuyên bố bị cáo Phan Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2, Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Văn Q từ 08 năm đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 06/02/2020.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Tài sản trộm cắp đã được trả lại cho anh M, anh M không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết.

#### 4. Về vật chứng:

Đề nghị trả lại cho Phan Văn Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số imeil 1: 355827095398053, imeil2: 355827095398050, đã qua sử dụng không liên quan đến việc phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

4, Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo Phan Văn Q nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của cơ quan điều tra Công an thành phố B, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]. Về tội danh: Khoảng 13 giờ ngày 04/01/2020, tại số 09, ngõ 28, Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, sau khi mượn của anh Hoàng Văn M 01 chiếc xe nhãn hiệu PIAGIO, số loại LIBERTY, biển kiểm soát 98Y5-6096, số máy M389M2004599, số khung 710000032898 màu sơn trắng, đã qua sử dụng trị giá 8.000.000 đồng, Phan Văn Q đã có hành vi đem chiếc xe đi cầm cố dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu và hoang mang trong quần chúng nhân dân cũng như gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: năm 1997, bị Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) kết án về tội đánh bạc; Năm 2000 bị Công an thị xã B (thành phố B) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; Năm 2001 bị Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) kết án

về tội đánh bạc; Năm 2002, bị Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B) kết án về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Năm 2003 bị Công an thị xã B (thành phố B) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng, gây thương tích; Năm 2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B kết án về tội Cố ý gây thương tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải sửa nay lại thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục và coi thường pháp luật. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; Sau khi phạm tội đã bồi thường và trả lại tài sản cho bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại là anh Hoàng Văn M đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

8. Về vật chứng: Vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số imeil 1: 355827095398053, imeil2: 355827095398050, đã qua sử dụng do bị cáo giao nộp không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn Q 08 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/02/2020.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phan Văn Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có số imeil 1: 355827095398053, imeil2: 355827095398050, đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo Phan Văn Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, Vp

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**Nguyễn Văn Trường**